

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM

TRẦN THỊ CẨM TÚ

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Email: camtu118@gmail.com

Tóm tắt: Giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm có vai trò quan trọng đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên và giúp sinh viên rèn luyện nghề nghiệp. Thực trạng giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm về việc thực hiện mục tiêu giáo dục giá trị sống, việc thực hiện nội dung giáo dục giá trị sống, phương thức giáo dục giá trị sống, con đường giáo dục giá trị sống và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục giá trị sống được thực hiện qua nghiên cứu 98 giảng viên và 816 sinh viên thuộc 5 trường đại học sư phạm. Trên cơ sở đó, một số biện pháp giáo dục được đề xuất đó là: Xây dựng các chủ đề giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm; Tổ chức dạy học tích hợp nội dung giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm vào các môn nghiệp vụ sư phạm; Tổ chức giáo dục giá trị sống qua rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; Tổ chức giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm qua hoạt động Đoàn thanh niên, Hội sinh viên.

Từ khóa: Giáo dục; giáo dục giá trị sống; sinh viên sư phạm.

(Nhận bài ngày 30/12/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 10/01/2017; Duyệt đăng ngày 25/03/2017).

1. Đặt vấn đề

Giáo dục giá trị sống (GDGTS) là một trong những nội dung của giáo dục (GD) toàn diện. Trong các nhà trường sư phạm, GDGTS cần được chú trọng bởi nó không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên (SV) sư phạm mà còn giúp SV có những hiểu biết để GDGTS cho học sinh phổ thông với vai trò là người giáo viên tương lai. Vậy GDGTS cho SV sư phạm hiện nay đã thực hiện như thế nào? Kết quả ra sao? Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng GDGTS cho SV sư phạm.

2. Khái quát về giáo dục giá trị sống

Giá trị sống có khả năng chi phối thái độ, cảm xúc, tình cảm và hành vi của một cá nhân trong cuộc sống hàng ngày. GDGTS là quá trình nhà GD tổ chức, hướng dẫn, kích thích hoạt động (HĐ) tích cực của người được GD để họ lĩnh hội được các giá trị xã hội, hình thành nên hệ thống giá trị cá nhân, phù hợp với mong đợi của xã hội [1; tr.185]. GDGTS cho SV sư phạm phải phù hợp với đặc điểm tâm lý của SV, đào tạo (ĐT) nghề nghiệp và đáp ứng với yêu cầu của xã hội về đổi mới GD, trong đó có đổi mới chất lượng và hiệu quả của các cơ sở ĐT giáo viên.

Tiếp cận theo quan điểm hệ thống, GDGTS bao gồm các thành tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau như: Mục tiêu GDGTS; Nội dung GDGTS; Phương pháp GDGTS; Con đường GDGTS; Đánh giá (ĐG) GDGTS. Khảo sát tập trung vào bốn giá trị sống cơ bản có gắn với đặc điểm nghề dạy học đó là giá trị yêu thương, giá trị trách nhiệm, giá trị tôn trọng và giá trị hợp tác. Đây là những giá trị sống gắn liền với đặc trưng nghề dạy học là nghề dùng nhân cách để GD nhân cách.

3. Thực trạng giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm

3.1. Khái quát về quá trình khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện trên 98 giảng viên, 816 SV đại học sư phạm thuộc các khoa Tự nhiên (Toán, Lí, Sinh) và các khoa Xã hội (Ngữ văn, Lịch sử, GD Chính trị,

Tâm lí - GD) của các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Vinh, Đại học Tây Bắc, Đại học Hải Phòng. Nghiên cứu được tiến hành trong năm học 2015 - 2016. Để ĐG thực trạng GDGTS cho SV sư phạm, chúng tôi thiết kế các câu hỏi khảo sát theo thang đo Likert 5 mức độ. Sử dụng công thức tính giá trị khoảng cách, thực trạng GDGTS cho SV sư phạm được tính theo điểm trung bình (ĐTB) với mức độ như sau: ĐTB= 1-1,8: Rất thấp; ĐTB=1,8 - 2,6: Thấp; ĐTB= 2,6 - 3,4: Trung bình; ĐTB= 3,4- 4,2: Cao; ĐTB= 4,2 - 5: Rất cao.

3.2. Kết quả khảo sát

3.2.1. Thực trạng về việc thực hiện mục tiêu giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm

Mục tiêu GD GTS cho SV sư phạm được biểu hiện ở nhận thức, thái độ và hành vi được xác định cho bốn giá trị sống được lựa chọn là yêu thương; tôn trọng; trách nhiệm; hợp tác. Tìm hiểu thực trạng mục tiêu GDGTS thông qua khảo sát SV sư phạm, chúng tôi thu được kết quả sau (xem Bảng 1).

Mục tiêu của bốn giá trị sống yêu thương, tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác biểu hiện ở nhận thức, thái độ, hành vi đạt ở mức độ trung bình (ĐTB=3,16). Nhìn chung, mục tiêu giữa các giá trị sống không có nhiều sự chênh lệch. Điều này cho thấy việc thực hiện mục tiêu GDGTS tương đối đồng bộ.

3.2.2. Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm

Để tìm hiểu về thực trạng thực hiện nội dung GDGTS cho SV sư phạm, chúng tôi đã hiểu trên bốn nội dung giá trị sống đã xác định đó là giá trị yêu thương, giá trị trách nhiệm, giá trị tôn trọng và giá trị hợp tác. Việc thực hiện nội dung GDGTS cho SV sư phạm ở mức độ trung bình. Nội dung GD giá trị yêu thương được biểu hiện: Bản chất, biểu hiện giá trị yêu thương là lòng tốt, sự sẻ chia, quan tâm có ĐTB=2,88; Yêu thương là nền tảng tạo dựng và nuôi dưỡng mối quan hệ một cách chân thành và bền vững có ĐTB=3,22; Yêu thương giúp

*Bảng 1: Thực trạng về việc thực hiện mục tiêu GDGTS*

Giá trị sống	Nhận thức		Thái độ		Hành vi		Chung		Thứ bậc
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1. Yêu thương	2,92	0,624	3,39	0,720	3,31	0,762	3,21	0,578	1
2. Tôn trọng	3,05	0,646	3,32	0,698	3,25	0,777	3,20	0,590	2
3. Trách nhiệm	3,01	0,637	3,30	0,711	3,23	0,706	3,18	0,577	3
4. Hợp tác	2,91	0,632	3,27	0,759	3,06	0,715	3,08	0,604	4
Chung	2,97	0,449	3,32	0,497	3,21	0,506	3,16	0,560	

giáo viên vượt qua những khó khăn của nghề nghiệp và mối quan hệ giữa giáo viên - học sinh gần gũi, cởi mở có ĐTB=2,58; Yêu thương là phẩm chất đầu tiên và quan trọng mà giáo viên cần có với ĐTB=3,03.

Nội dung GD giá trị tôn trọng ở các trường đại học sư phạm mức độ trung bình. Cụ thể, các biểu hiện, tôn trọng là tự trọng, nhận biết các phẩm chất mà mình có với ĐTB=2,96; Biết rằng mỗi người đều có đặc, điểm riêng đáng quý, đáng trân trọng có ĐTB=3,23; Tôn trọng nâng cao lòng tự tin của mỗi người có ĐTB=2,83; Biết cách để tôn trọng người khác như lắng nghe, cư xử đúng mực... có ĐTB=3,12. Có thể thấy, việc trang bị kiến thức về giá trị tôn trọng cho SV sư phạm chưa được thực hiện đầy đủ. Giá trị tôn trọng hướng vào bản thân chưa được chú trọng và chỉ mới đạt ở kết quả trung bình.

Tim hiểu về thực trạng GD giá trị trách nhiệm cho SV, chúng tôi đã thu được kết quả như sau: Xét ĐTB, GD giá trị trách nhiệm cho SV sư phạm đạt được ở mức độ trung bình. Về nhận thức, nội dung giúp SV hiểu trách nhiệm là góp phần vào công việc chung và thực hiện

Bảng 2: Phương thức GDGTS cho SV sư phạm

Phương thức GDGTS	SV			Giảng viên			Chung	
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1. Thuyết trình	4,19	0,804	1	4,12	0,646	1	4,18	1
2. Thảo luận	3,69	0,790	3	3,92	0,604	3	3,72	3
3. Vấn đáp	3,48	0,892	7	3,86	0,658	4	3,52	6
4. Quan sát	3,57	0,982	5	3,70	0,735	6	3,58	5
5. Trò chơi	2,85	0,954	12	3,18	0,967	9	2,89	12
6. Nêu và giải quyết vấn đề	3,72	0,846	2	4,00	0,718	2	3,75	2
7. Tình huống	3,41	0,902	8	3,68	0,845	7	3,45	8
8. Dự án	2,55	1,052	17	2,65	1,046	17	2,56	17
9. Nghiên cứu trường hợp	2,70	1,061	15	2,77	1,082	15	2,71	15
10. Tạo không khí lớp học dựa trên nền tảng giá trị	3,62	0,876	4	3,86	0,703	4	3,65	4
11. Biểu diễn và sử dụng nghệ thuật: hát/ kịch/ làm thơ, kể chuyện, phim...	2,81	1,015	14	2,98	1,055	14	2,82	14
12. Bản đồ tư duy	2,59	1,091	16	2,68	1,021	16	2,60	16
13. Khám phá cuộc sống thực, ý tưởng	2,90	1,138	11	3,13	0,881	10	2,92	11
14. Hồi tưởng	3,01	1,019	10	3,00	0,931	12	3,01	10
15. Mảnh ghép	3,50	0,975	6	3,53	0,789	8	3,50	7
16. Khăn trải bàn	3,12	1,035	9	3,06	0,961	11	3,11	9
17. Trải nghiệm tập trung	2,85	1,091	12	3,00	0,984	12	2,87	13

nhiệm vụ của mình một cách tốt nhất có ĐTB cao nhất (ĐTB = 3,20). Nhận thức về ý nghĩa và trách nhiệm với tư cách là người giáo viên tương lai đạt kết quả thấp hơn cụ thể là nhận thức được vai trò là người định hướng, tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ học sinh trong học tập và phát triển nhân cách có ĐTB = 2,96; thấp nhất là nhận thức trách nhiệm giúp mỗi người đạt được mục tiêu đặt ra, tạo ra sự thay đổi tích cực cho bản thân và cộng đồng (ĐTB = 2,80).

Kết quả khảo sát việc thực hiện nội dung giá trị hợp tác của SV sư phạm đạt được ở mức độ trung bình. Trang bị cho SV nhận thức về cách thức hợp tác là mỗi người cần thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, biết cách phối hợp, liên kết và khích lệ đạt kết quả tốt nhất với ĐTB = 3,02. Ý nghĩa của hợp tác giúp công việc diễn ra thuận lợi, đạt kết quả, tạo sự gắn kết có ĐTB = 3,01. Nhận thức của SV về yêu cầu trong hợp tác là lòng can đảm, sự quan tâm và sẻ chia, tôn trọng tạo nền tảng cho sự hợp tác thực hiện ở mức thấp với ĐTB=2,76.

3.2.3. Thực trạng về phương thức giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm

Phương thức GDGTS cho SV sư phạm rất đa dạng. Tim hiểu thực trạng về tần suất sử dụng các cách thức GDGTS, chúng tôi thu được kết quả trong Bảng 2.

Dữ liệu ở Bảng 2 cho thấy, sự ĐG của giảng viên và SV về thực trạng sử dụng cách thức GDGTS có sự tương đồng. Trong đó, cách thức được sử dụng thường xuyên nhất là thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận, *Bảng 2: Phương thức GDGTS cho SV sư phạm*

quan sát và tạo bầu không khí dựa trên nền tảng giá trị, vấn đáp và tình huống. ĐTB của các cách thức này nằm trong khoảng từ 3,45 đến 4,18 tương ứng với mức độ sử dụng từ thường xuyên đến rất thường xuyên trong đó phương pháp thuyết trình xếp thứ nhất (ĐTB = 4,18), thứ hai là phương pháp nêu và giải quyết vấn đề (ĐTB = 3,75). Lí giải cho việc các phương pháp nêu trên được sử dụng ở mức thường xuyên vì tính phù hợp với các môn học mà các giảng viên phụ trách.

Một số phương thức GDGTS được sử dụng ở mức độ thỉnh thoảng và hiếm khi là phương pháp dự án; bản đồ tư duy; phương pháp nghiên cứu trường hợp, kĩ thuật biểu diễn và sử dụng nghệ thuật hát, kịch, làm thơ, kể chuyện,... Theo các giảng viên, các phương thức này ít khi được sử dụng do vấn đề thời gian. Hơn nữa, có những cách thức tương đối mới mẻ như trải nghiệm tập trung... cũng khiến một số giảng viên cảm thấy lúng túng khi đưa vào thực hành giảng dạy.

3.2.4. Thực trạng về con đường giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm

Tim hiểu về con đường GDGTS cho SV sư phạm, kết quả được phản ánh ở Bảng 3. Các con đường GDGTS cho SV sư phạm được giảng viên và SV ĐG hoàn toàn tương đồng nhau. ĐTB từ 3,05 đến 3,75 tương ứng với mức độ thực hiện là thỉnh thoảng và thường xuyên. Trong đó, GDGTS thông qua giảng dạy được thực hiện với mức độ thường xuyên có ĐTB = 3,75 xếp thứ nhất. GDGTS thông qua rèn luyện nghiệp vụ sư phạm xếp thứ hai (ĐTB = 3,56). GDGTS thông qua HĐ Đoàn, Hội xếp vị trí thứ 4 (ĐTB=3,19). GDGTS thông qua tổ chức trải nghiệm các chủ đề giá trị sống dưới hình thức câu lạc bộ xếp vị trí thấp nhất (ĐTB = 3,05).

Qua tìm hiểu về chương trình ĐT, phỏng vấn giảng viên và SV, chúng tôi nhận thấy, GDGTS hiện nay chủ yếu được thực hiện thông qua con đường lồng ghép trong các môn học. Một số giảng viên cho rằng giá trị sống là những điều gắn gũi với cuộc sống hàng ngày của SV như tính trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác... Vì vậy, trong các giờ học, giảng viên thường nhắc nhở, định hướng và kể những câu chuyện để GD các em. Hơn nữa, lồng ghép vào các môn học sẽ giúp tiết kiệm được thời gian, có tính khả thi hơn trong khi các trường chưa xây dựng và đưa GDGTS vào nội dung chương trình ĐT.

3.2.5. Thực trạng về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm

Kết quả của quá trình GDGTS cho SV sư phạm chịu sự ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Ba yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất là yếu tố gia đình (ĐTB = 4,36); nhận thức tích cực và sự tu dưỡng của SV (ĐTB=4,18) môi trường GD; sự làm gương của thầy cô và bối cảnh GD cùng xếp vị trí thứ ba (ĐTB=4,15). Điều này cho thấy, GD gia đình với truyền thống của gia đình, sự làm gương của bố mẹ, điều kiện kinh tế, sự định hướng của cha mẹ, thầy cô có ảnh hưởng lớn đến nhận thức và kết quả GDGTS của SV sư phạm. Một vấn đề đặt ra trong nghiên cứu là trong GD nói chung và GDGTS nói riêng cần tạo một tiếng nói đồng thuận, sự phối hợp chặt chẽ giữa GD gia đình và GD nhà trường. Đồng thời, GDGTS cần bắt đầu từ chính SV nghĩa là tác động đến nhận thức, tình cảm nâng cao tính tích cực của SV. Từ đó, SV chủ động, tự giác áp dụng các giá trị sống vào cuộc sống và học tập.

Các yếu tố được cho rằng ít ảnh hưởng hơn đến kết quả GDGTS cho SV sư phạm đó là sự quan tâm đầu tư của nhà trường (ĐTB=3,80); Chương trình GDGTS (ĐTB = 3,89); Đặc thù học tập và rèn luyện nghề nghiệp của SV sư phạm (ĐTB = 3,93); Năng lực GDGTS của giảng viên (ĐTB=3,99). Đây là những yếu tố thuộc về khách quan, được ĐG có mức ảnh hưởng thấp hơn so với các yếu tố thuộc về bản thân và gia đình. Qua phỏng vấn, SV cho rằng nếu chương trình GDGTS, cách dạy của giảng viên hấp dẫn nhưng SV không nỗ lực và tích cực thì không thể đạt được hiệu quả. Qua phân tích thực trạng GDGTS cho SV sư phạm, chúng tôi đưa ra một số nhận xét như sau: Việc thực hiện GDGTS ở các trường sư phạm được thực hiện ở mức độ chưa thường xuyên. Việc thực hiện mục tiêu GDGTS chưa chú trọng đến việc thúc đẩy HĐ học tập và rèn luyện nghề nghiệp. Các nội dung GDGTS chưa thực sự gắn liền với nội dung GD nghề nghiệp cho SV.

GDGTS chủ yếu thực hiện thông qua con đường lồng ghép, việc GDGTS như một HĐ GD cho SV hiếm khi được thực hiện ở trong nhà trường sư phạm. Một số con đường GDGTS có hiệu quả như thông qua HĐ Đoàn thanh niên, Hội SV, các HĐ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm chưa được tổ chức một cách thường xuyên.

Việc GDGTS cho SV sư phạm gặp một số khó khăn liên quan đến chương trình GD, ảnh hưởng bởi môi trường GD, bối cảnh xã hội, sự quan tâm của nhà trường, năng lực GDGTS của giảng viên. Đặc biệt, giảng viên gặp khó khăn trong việc GDGTS cho SV là nắm được đặc thù

Bảng 3: Con đường GDGTS cho SV sư phạm

Các con đường GD GTS	SV			Giảng viên			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
a. Giảng dạy	3,72	0,840	1	3,98	0,673	1	3,75	0,828	1
b. HĐ Đoàn, Hội	3,19	0,940	4	3,17	0,874	5	3,19	0,933	4
c. Tổ chức trải nghiệm các chủ đề giá trị sống dưới hình thức câu lạc bộ	3,08	0,939	6	2,83	1,046	6	3,05	0,954	6
d. Thông qua rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3,56	0,767	2	3,57	0,773	2	3,56	0,767	2
e. Thông qua môi trường sư phạm	3,48	0,834	3	3,50	0,803	3	3,48	0,831	3
f. HĐ tự rèn luyện	3,17	1,018	5	3,27	0,794	4	3,18	0,997	5



của GDGTS, phương thức thực hiện, thiết kế, tổ chức HĐ GDGTS, phân bổ thời lượng dành cho nội dung GDGTS, tích hợp GDGTS vào môn học và tổ chức HĐ thực hành sư phạm; sự đồng thuận giữa các lực lượng trong nhà trường.

4. Đề xuất một số biện pháp giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm

4.1. Xây dựng các chủ đề giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm

Xây dựng chủ đề GDGTS là nền tảng để giúp SV có được nhận thức đầy đủ về các giá trị sống. Xây dựng chủ đề GDGTS theo hướng tăng cường sự trải nghiệm cho SV, đa dạng hóa các loại hình HĐ, phù hợp với đối tượng, đặc thù học tập và rèn luyện nghề sẽ tạo thuận lợi để SV có được các kiến thức, kĩ năng, thái độ phù hợp về các giá trị sống, phát huy tính tích cực, sáng tạo, chủ động của SV giúp họ thích ứng với nghề dạy học sau tốt nghiệp. Đồng thời, SV chuyển hóa được các giá trị khách quan thành giá trị chủ quan của bản thân theo cơ chế trải nghiệm trong GDGTS.

4.2. Tổ chức dạy học tích hợp nội dung giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm vào các môn nghiệp vụ sư phạm

Tích hợp nội dung GDGTS trong môn nghiệp vụ sư phạm sẽ có tác dụng vừa GDGTS vừa gắn được với ĐT nghề nghiệp cho SV sư phạm, giúp định hướng cho SV sư phạm trong việc áp dụng các giá trị sống vào HĐ nghề nghiệp. Ngoài ra, việc tích hợp nội dung GDGTS vào môn nghiệp vụ sư phạm sẽ góp phần thống nhất các tác động GD từ phía nhà trường đến SV về mục tiêu ĐT.

4.3. Tổ chức giáo dục giá trị sống qua rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

GDGTS thông qua rèn luyện nghiệp vụ sư phạm còn giúp nhà trường thống nhất trong mục tiêu ĐT, gắn nội dung ĐT với thực tiễn đặt ra, giúp SV áp dụng kiến thức được học vào thực hành nghề. SV cảm thấy hứng thú với những nội dung thiết thực và có ý nghĩa với bản thân.

4.4. Tổ chức giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm qua hoạt động Đoàn thanh niên, Hội sinh viên

HĐ Đoàn thanh niên, Hội SV (gọi tắt là HĐ Đoàn, Hội) là HĐ đặc trưng của SV nói chung và SV sư phạm nói riêng. Biện pháp này nhằm tăng cường và tạo lập môi trường để SV được trải nghiệm: Tự khám phá, phát hiện và tìm hiểu kiến thức về giá trị sống gắn với nghề nghiệp. Gắn nội dung được học với thực tiễn, SV áp dụng các giá trị sống vào cuộc sống, mở rộng vốn hiểu biết của SV. HĐ Đoàn, Hội tạo ra môi trường thực tế để SV có cơ hội được thể hiện các giá trị sống đã biết bằng những hành vi cụ thể trong các mối quan hệ với bản thân, người khác, với công việc.

5. Kết luận

GDGTS có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển nhân cách của SV sư phạm và GD nghề nghiệp cho SV lòng yêu nghề, đáp ứng những yêu cầu của đổi mới GD đối với người giáo viên trong các nhà trường phổ thông. Kết quả khảo sát là cơ sở để đề xuất các biện pháp GDGTS cho SV sư phạm nhằm khắc phục những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDGTS góp phần vào mục tiêu nâng cao hiệu quả GDGTS và chất lượng ĐT giáo viên của các trường đại học sư phạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tillman, D., (2008), *Living values activities for young adults*, Health communicatons, InC; deerfield Beach, Florida, USA.
- [2]. James H - Strong, (2011), *Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3]. Halstead, J.M, (2000), *Learning and teaching values: a review of recent research*, Cambridge Journal of Education.
- [4]. Terry Lovat - Ron Tommey, (2009), *Values Education and Quality Teaching - The Double Helix Effect*, Springer Science Business Media B.V.
- [5]. Nguyễn Quang Uẩn - Nguyễn Thạch - Mạc Văn Trang, (1995), *Giá trị - Định hướng giá trị và giáo dục giá trị*, Đề tài cấp Nhà nước.

CURRENT STATE OF LIFE VALUE EDUCATION FOR PEDAGOGICAL STUDENTS

Tran Thi Cam Tu
Hanoi National University of Education
Email: camtu118@gmail.com

Abstract: Education of life values for pedagogical students plays an important role in student personality development and helps students in their professional drilling. The survey on current state of life value education for pedagogical students (e.g. the implementation of life value education targets, the realization of life value education contents, methods of life value education and factors influencing the life value education) was conducted by surveying 98 lecturers and 816 students at 5 pedagogical universities. Based on that, some educational measures have been recommended, including: Designing topics of life value education for pedagogical students; Integrating the life value education into pedagogical profession subjects; Educating life values through pedagogical profession drilling; Educating life values for pedagogical students through activities by the Youth Union and Student Association.

Keywords: Education; life value education; pedagogical student.